

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ
tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 01/01/2014);

Căn cứ Quyết định số 418/QĐ-TTg ngày 11/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2011-2020;

Căn cứ Quyết định số 1786/QĐ-TTg ngày 27/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050;

Xét đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 1199/TTr-SKH-CN, ngày 21/11/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt “Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030” với những nội dung chủ yếu như sau:

I. QUAN ĐIỂM:

1. Phát triển khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, là động lực quan trọng nhất để phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc; là nền tảng và động lực để đổi mới mô hình tăng trưởng; là tiêu chí nâng cao sức mạnh tổng hợp, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, năng lực cạnh tranh của nền kinh tế; là một trong những khâu đột phá để phát triển nhanh và bền vững.

2. Đầu tư nhân lực khoa học và công nghệ là đầu tư cho phát triển bền vững; tập trung xây dựng, phát triển và trọng dụng đội ngũ nhân lực khoa học và công nghệ; Ưu tiên và tập trung mọi nguồn lực cho phát triển khoa học và công nghệ. Tập trung đầu tư vào các lĩnh vực trọng điểm, ưu tiên; đồng thời đẩy mạnh xã hội hoá hoạt động khoa học và công nghệ; coi doanh nghiệp và các đơn vị dịch vụ công là trung tâm của đổi mới và chuyển giao công nghệ, là nguồn cầu quan trọng nhất của thị trường khoa học công nghệ.

3. Phát triển khoa học và công nghệ hướng vào các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh của tỉnh; với cơ cấu kết hợp nhiều trình độ, nhiều tầng, lấy ứng dụng là chính, bảo đảm hiệu quả và vững chắc. Ưu tiên phát triển một số lĩnh vực công nghệ tiên tiến, công nghệ cao làm đòn bẩy cho

công nghiệp hoá, hiện đại hoá các ngành, lĩnh vực trọng điểm; lựa chọn công nghệ thích hợp không gây ô nhiễm môi trường.

4. Chủ động hội nhập quốc tế để cập nhật tri thức khoa học và công nghệ tiên tiến của thế giới; thu hút nguồn lực và chuyên gia khoa học và công nghệ có trình độ và chất lượng cao vào giải quyết các vấn đề KH và CN của tỉnh; Đẩy mạnh quan hệ liên kết với bên ngoài trên cơ sở phát huy năng lực nội sinh và nâng cao hiệu quả sử dụng tiềm lực KH và CN địa phương.

II. MỤC TIÊU:

1. Mục tiêu chung:

Phát triển KHI và CN nhằm mục tiêu tạo động lực quan trọng nhất để nâng cao sức mạnh tổng hợp trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh của tỉnh. Nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế, thúc đẩy kinh tế tri thức, bảo vệ môi trường sinh thái, ứng phó với tác động của biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

2. Mục tiêu cụ thể:

2.1. Bảo đảm thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ tham mưu, tư vấn, phản biện, xây dựng căn cứ khoa học cho các chủ trương, chính sách, quyết định của tỉnh trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng và an ninh trong tình hình mới. Nâng cao hiệu quả mọi mặt của hoạt động ứng dụng khoa học và công nghệ, gắn bó chặt chẽ với sản xuất và đời sống; góp phần quan trọng tạo ra sự chuyển biến rõ rệt về năng suất, chất lượng và hiệu quả của nền kinh tế.

2.2. Về đổi mới công nghệ: Số doanh nghiệp công nghiệp thực hiện đổi mới công nghệ tăng trung bình 10%/năm, trong đó số lượng doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao từ 5% /năm.

2.3. Về Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng:

+ Đến năm 2020, thực hiện quản lý bằng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với 100% sản phẩm, hàng hoá có khả năng gây mất an toàn, vệ sinh, ô nhiễm môi trường hoặc có yêu cầu đặc thù về quá trình sản xuất, tiềm ẩn khả năng gây mất an toàn.

+ Tỷ lệ doanh nghiệp áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến của Quốc tế và khu vực từ 10% - 15% vào năm 2020 và tăng dần trong những năm tiếp theo.

+ Đến năm 2020 có 90% - 100 % doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm, hàng hoá chủ lực của tỉnh tham gia thực hiện dự án nâng cao năng suất và chất lượng; Xây dựng 15 doanh nghiệp điển hình toàn diện về cải tiến năng suất - chất lượng tổng hợp (thuộc nhóm doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm hàng hoá mũi nhọn, tạo hàng hóa xuất khẩu như khai khoáng, cán thép, luyện kim, chế biến nông - lâm - thủy sản). Các doanh nghiệp điển hình đạt tỷ trọng tăng năng suất yếu tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng doanh nghiệp ổn định mức 30% từ năm 2020.

2.4. Về sở hữu trí tuệ:

+ Số lượng sáng chế, giải pháp hữu ích đăng ký bảo hộ đến năm 2015 tăng gấp 2 lần so với giai đoạn 2006-2010, đến năm 2020 tăng 2,5 lần so với giai đoạn 2011 - 2015; 100% bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích của Hà Tĩnh được ứng dụng vào thực tiễn sản xuất và đời sống.

+ Đến năm 2020 có 40% các sản phẩm nông nghiệp có lợi thế đăng ký bảo hộ sở hữu công nghiệp và quản lý, phát triển thương hiệu bằng các hình thức nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể. Phân đấu có ít nhất 02 sản phẩm mang thương hiệu quốc gia.

2.5. Củng cố và tăng cường tiềm lực của các tổ chức khoa học và công nghệ của tỉnh, tranh thủ tiềm lực khoa học và công nghệ của Trung ương; chuyển đổi các tổ chức khoa học và công nghệ công lập sang cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật. Hệ thống các tổ chức khoa học và công nghệ, các trường đại học, cao đẳng, ... trên địa bàn đủ khả năng giải quyết các nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm của tỉnh, có sức lan tỏa trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Trung Bộ.

2.6. Phân đấu số nhân lực KH và CN có trình độ từ cao đẳng trở lên đến năm 2020 chiếm 4% so với tổng số lao động; hình thành đội ngũ cán bộ KH và CN có trình độ cao đủ sức nghiên cứu và giải quyết các nhiệm vụ KH và CN trọng điểm của tỉnh mang tầm quốc gia và quốc tế.

2.7. Tăng mức đầu tư từ ngân sách nhà nước cho khoa học và công nghệ bảo đảm 1,5% vào năm 2015 và tối thiểu 2% tổng chi ngân sách tỉnh hàng năm từ năm 2020.

III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM:

1. Quản lý nhà nước về KH và CN:

Triển khai đồng bộ các văn bản pháp luật về khoa học và công nghệ như: Luật Công nghệ cao, Luật Chuyển giao công nghệ, Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá, Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Năng lượng nguyên tử, ...

Tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ. Trong đó, đặc biệt chú ý đến việc đổi mới cơ chế quản lý các chương trình, đề tài, dự án khoa học và công nghệ; nâng cao chất lượng công tác xây dựng kế hoạch khoa học, công tác thẩm định, tuyển chọn, xét chọn, kiểm tra, đánh giá nghiệm thu các đề tài, dự án khoa học và công nghệ. Rà soát, sửa đổi, bổ sung, xây dựng hoàn chỉnh một số văn bản pháp quy về quản lý khoa học và công nghệ.

Phổ biến, hướng dẫn triển khai và kiểm tra việc thực hiện pháp luật về các hoạt động chuyển giao công nghệ, hoạt động thẩm định, đánh giá, giám định công nghệ, hoạt động dịch vụ, tư vấn về chuyển giao công nghệ.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng, phổ biến, hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn các loại. Xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương cho một số sản phẩm đặc thù; kiểm định phương tiện đo lường, chất lượng; thử nghiệm, phân tích đánh giá chất lượng sản phẩm hàng hoá; tăng cường công tác kiểm tra chất lượng và kiểm tra định lượng các loại hàng hoá; đẩy mạnh hoạt động thông báo và hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại... Tích cực triển khai các hoạt động: Hướng dẫn xây dựng, áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn tiên tiến, hướng dẫn áp dụng mã số - mã vạch... cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Triển khai thực hiện tốt Luật Sở hữu trí tuệ; chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ của doanh nghiệp và các quy định liên quan; đăng ký xác lập quyền

sở hữu trí tuệ, kiểu dáng công nghiệp; Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hướng dẫn thực thi các văn bản pháp luật về an toàn bức xạ và hạt nhân, triển khai thực hiện tốt các thủ tục khai báo, cấp phép cho các hoạt động an toàn bức xạ và hạt nhân.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra chuyên ngành trong các lĩnh vực: Nghiên cứu khoa học và công nghệ, tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng, sở hữu công nghiệp và công nghệ, an toàn và kiểm soát bức xạ, hạt nhân.

Duy trì, nâng cao chất lượng công tác thông tin, truyền thông, nâng cao chất lượng trang báo điện tử khoa học để kịp thời đưa nhanh các tiến bộ khoa học và công nghệ tới nhân dân trong tỉnh. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin; xây dựng, mở rộng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu về nhân lực và thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ cho công tác nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất, đời sống phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đào tạo đội ngũ tri thức của tỉnh.

Hướng dẫn điều kiện thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ.

2. Triển khai các nhiệm vụ KH và CN trọng điểm:

2.1. Nhiệm vụ khoa học xã hội và nhân văn:

- Nghiên cứu những vấn đề khoa học và công nghệ có ý nghĩa cao về kinh tế - xã hội, nhằm tổng kết thực tiễn, phát hiện những giải pháp, nguồn lực và mô hình mới trong thực tiễn; tập trung vào những vấn đề cơ bản được xác định trong quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội Hà Tĩnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050; chú trọng các nghiên cứu nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tổ chức quản lý và lãnh đạo, xây dựng và phát triển hệ thống chính trị vững mạnh, giữ vững quốc phòng an ninh, giải quyết các vấn đề xung đột trong quá trình đô thị hoá và xây dựng nông thôn mới,...
- Nghiên cứu các vấn đề liên quan đến cơ chế chính sách, mô hình, giải pháp phát triển kinh tế với tốc độ nhanh và bền vững; thực hiện điều chỉnh cơ cấu kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế; các giải pháp về phát triển kinh tế tri thức; nâng cao sự đóng góp của TFP và GDP tỉnh.
- Nghiên cứu xây dựng các luận cứ khoa học, đề xuất các cơ chế, chính sách, mô hình, giải pháp khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới như: Phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa; phát triển công nghiệp hỗ trợ, phục vụ cho nông nghiệp, nông thôn; huy động các nguồn lực xã hội tham gia xây dựng nông thôn mới; sử dụng có hiệu quả đất nông nghiệp; quy hoạch, kiến trúc, xây dựng cơ sở hạ tầng, cảnh quan nông thôn mới gắn với bảo tồn các giá trị truyền thống, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.
- Nghiên cứu các vấn đề liên quan đến đổi mới cơ chế quản lý và thực hiện xã hội hoá phát triển văn hoá, xã hội, giáo dục - đào tạo, thể thao, chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ nhân dân; xây dựng con người Hà Tĩnh; giải pháp đẩy mạnh xoá đói, giảm nghèo, gắn phát triển kinh tế với tiến bộ, công bằng xã hội, khắc phục mặt trái của đô thị hoá nhanh và kinh tế thị trường; luận cứ xây dựng và phát triển văn hoá, văn minh đô thị. Tiếp tục nghiên cứu, khai thác những giá trị truyền thống lịch sử, văn hoá, dân tộc tốt đẹp của Hà Tĩnh.

2.2. Nhiệm vụ điều tra cơ bản, sử dụng hợp lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu:

- Nghiên cứu cơ bản định hướng ứng dụng nhằm hỗ trợ cho quá trình lựa chọn, tiếp thu, thích nghi và cải tiến các công nghệ tiên tiến nhập từ ngoài vào địa phương, nhất là trong các lĩnh vực công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ bảo quản chế biến nông - lâm - thủy sản, công nghệ vật liệu tiên tiến, công nghệ sạch, tiết kiệm năng lượng, công nghệ khai thác và chế biến quặng sắt, vật liệu xây dựng,...

- Điều tra đánh giá tiềm năng tài nguyên thiên nhiên và môi trường, nghiên cứu điều tra địa chất, lập bản đồ về các loại tài nguyên khoáng sản, xác định trữ lượng, chất lượng, địa điểm các loại tài nguyên để có kế hoạch đưa vào khai thác và sử dụng hợp lý và hiệu quả; Chú trọng nghiên cứu tiềm năng về đa dạng sinh học và các loại tài nguyên quý đang có nguy cơ cạn kiệt, đặc biệt là khu vực vườn Quốc gia Vũ Quang.

- Nghiên cứu bản chất, quy luật của tự nhiên và những tác động của chúng đến đời sống kinh tế - xã hội, từng bước nắm rõ quy luật hình thành và phát triển một số dạng thiên tai, tai biến địa chất nguy hiểm thường xảy ra ở địa phương làm cơ sở cho dự báo các biến động của tự nhiên, đặc biệt xu hướng biến đổi khí hậu để phục vụ quy hoạch phát triển kinh tế xã hội, phục vụ sản xuất kinh doanh, an ninh quốc phòng và đời sống xã hội.

- Thúc đẩy các nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ trong xây dựng, phát triển, bảo tồn các hệ sinh thái đa dạng, các khu dự trữ sinh quyển, các nguồn gen quý, tiết kiệm năng lượng. Kiểm soát hoạt động du nhập, chuyển giao công nghệ, ưu tiên các công nghệ sạch, thân thiện với môi trường.

2.3. Nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng và phát triển công nghệ cao:

2.3.1. Công nghệ sinh học (CNSH):

- Trong nông, lâm nghiệp, thủy sản: Tập trung nghiên cứu, chuyển giao ứng dụng thành tựu công nghệ sinh học nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm nông, lâm nghiệp - thủy sản của tỉnh, phấn đấu đến năm 2020, đưa việc ứng dụng công nghệ sinh học đạt trình độ tiên tiến và trở thành một trong những trung tâm công nghệ sinh học nông lâm nghiệp của vùng Bắc Trung Bộ vào năm 2030; đưa công nghệ sinh học trở thành lĩnh vực khoa học và công nghệ có đóng góp quan trọng quyết định vào tăng trưởng kinh tế nông, lâm nghiệp và thủy sản của tỉnh: Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ nuôi cấy mô tế bào nhân nhanh các giống cây trồng nông - lâm nghiệp sạch bệnh và có ưu thế về năng suất chất lượng; chẩn đoán, xác định các loại bệnh trên đối tượng cây trồng, vật nuôi, thủy hải sản; bước đầu tiếp cận các kỹ thuật áp dụng công nghệ tế bào động vật trong sản xuất các giống vật nuôi, các loại vắc xin; ứng dụng công nghệ vi sinh để sản xuất trong công nghiệp các chế phẩm vi sinh bảo vệ cây trồng, cải tạo đất, cải thiện môi trường...; ứng dụng các chế phẩm sinh học phục vụ nâng cao năng suất nuôi trồng và xử lý môi trường nuôi thủy sản.

- Trong lĩnh vực y dược, bảo vệ môi trường: Lựa chọn, nghiên cứu chuyển giao ứng dụng thành tựu công nghệ sinh học phù hợp điều kiện của tỉnh (công nghệ chọn tạo, nhân nhanh các giống cây dược liệu có năng suất và hàm lượng hoạt chất cao, chất lượng tốt tạo nguồn nguyên liệu sản xuất thuốc; công nghệ

sinh khối tế bào sản xuất nguyên liệu làm thuốc; công nghệ sinh học trong chẩn đoán, xét nghiệm, điều trị và dự phòng...). Ứng dụng công nghệ sinh học để tạo ra các công nghệ, sản phẩm thân thiện với môi trường; xử lý các nguồn chất thải gây ô nhiễm trong sản xuất, y tế và sinh hoạt; phục hồi và phát triển các hệ sinh thái tự nhiên, bảo vệ môi trường.

- Ứng dụng công nghệ sinh học trong bảo tồn, lưu giữ và khai thác hợp lý nguồn gen quý hiếm của Hà Tĩnh, như: Sao La, Gà Lôi cổ trắng, Rùa Khép, Cu Kỳ, Hươu Hương Sơn, Bưởi Phúc Trạch, Quýt Kỳ Anh, Cam bù Hương Sơn, Hồng Đông Lộ,... và một số thảo dược tại các vùng trung du và miền núi.

2.3.2. Công nghệ thông tin và truyền thông:

- Thông tin di động phát triển lên công nghệ 4G (LTE, Wimax...) theo hướng ứng dụng công nghệ truy nhập vô tuyến băng rộng, cung cấp dịch vụ cho các thiết bị viễn thông và tin học.

- Mạng ngoại vi phát triển theo hướng cáp quang hóa, cáp quang thay thế cáp đồng, thực hiện cáp quang hóa đến thuê bao, cụm thuê bao; đáp ứng nhu cầu sử dụng các dịch vụ băng rộng của người dân.

- Mạng Internet phát triển theo hướng hội tụ, cung cấp đa dịch vụ: cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình (IPTV), báo chí (E-papers)... phấn đấu đến năm 2020 có 80% hộ dân sử dụng dịch vụ Internet băng rộng và từ năm 2030 là 100%.

- Ứng dụng rộng rãi công nghệ thông tin trong các cơ quan Nhà nước. Sử dụng các Website, cơ sở dữ liệu điện tử, hệ thống thông tin địa lý (GIS) để tiến tới dịch vụ "một điểm" thay cho dịch vụ "một cửa" hiện nay, ưu tiên các lĩnh vực thu thuế, cấp chứng minh nhân dân, làm giấy khai sinh,...

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong doanh nghiệp nhằm phục vụ quản lý tài chính, nhân sự, giao dịch kinh doanh,...

- Ứng dụng công nghệ điện toán đám mây trong Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh để tổ chức hệ thống phần mềm dùng chung và CSDL tập trung của tỉnh trong lộ trình xây dựng Chính phủ điện tử đến năm 2020.

2.3.3. Công nghệ cơ khí, tự động hóa:

- Kết hợp một cách hợp lý giữa việc đổi mới công nghệ (kể cả đổi mới từng phần, hiện đại hoá từng khâu, từng bộ phận) với việc tận dụng các công nghệ hiện có nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư và khai thác mọi tiềm lực vốn có phục vụ phát triển sản xuất.

- Tranh thủ đi thẳng vào ứng dụng công nghệ tự động hoá hiện đại có chọn lọc, phù hợp đối với từng ngành, từng lĩnh vực sản xuất và trong từng giai đoạn phát triển khác nhau. Chủ động trong chuyển giao công nghệ và nghiên cứu làm chủ công nghệ nhập để khai thác nâng cao hiệu quả ứng dụng, đồng thời làm cơ sở cho việc nghiên cứu sáng tạo nâng cao.

Một số ứng dụng cụ thể:

+ *Ứng dụng công nghệ tự động hoá trong thiết kế:* Tự động thiết kế trong các ngành kinh tế nhờ trợ giúp của máy tính: Hoàn toàn thiết kế tự động trong các ngành sắt thép, nhiệt điện. Tự động thiết kế các máy công cụ, các dụng cụ cơ khí và các chi tiết cơ khí chủ yếu. Trong ngành đóng tàu, công nghệ CAD được ứng dụng rộng rãi trong tạo dáng, thiết kế vỏ tàu và hoàn toàn tự động hoá thiết kế. Sử

dụng các chương trình tự động hoá thiết kế và tính toán trong thiết kế cơ khí, xây dựng công trình, xây dựng giao thông.

+ *Ứng dụng công nghệ tự động hoá trong các quá trình công tác:* Lắp ráp, bảo trì bảo hành các hệ thống SCADA (hệ thống điều khiển giám sát và xử lý số liệu) trong các ngành năng lượng, chế biến thực phẩm, nuôi trồng thủy sản, bảo vệ môi trường, xăng dầu. Đẩy mạnh áp dụng công nghệ CNC các máy công cụ, thiết bị công tác. Đẩy mạnh áp dụng công nghệ PLC điều khiển tự động các máy công tác và hệ thống chấp hành.

+ *Tự động hoá đo lường:* Đẩy mạnh tự động hoá các thiết bị đo lường, các chủng loại cân điện tử hiện số và truyền số liệu,...

2.3.4. Công nghệ vật liệu mới, năng lượng tái tạo:

- Ưu tiên nghiên cứu ứng dụng KHCN sản xuất vật liệu xây dựng thân thiện với môi trường theo hướng sử dụng công nghệ hiện đại, quy mô lớn.

- Khuyến khích nghiên cứu ứng dụng công nghệ sản xuất các loại vật liệu nhẹ, siêu nhẹ, vật liệu chống cháy, chậm cháy, vật liệu cách âm, cách nhiệt, cách điện, tiết kiệm năng lượng, vật liệu composit, chế tạo các sản phẩm bằng vật liệu composit; sản xuất các vật liệu mới từ nguyên liệu địa phương, đặc biệt từ gỗ, tre, trúc, thép; sản xuất các sản phẩm nội thất và sản phẩm tiêu dùng; Sản xuất gạch không nung từ phế thải của nhà máy nhiệt điện.

- Triển khai nghiên cứu áp dụng các công nghệ sử dụng các nguồn năng lượng mới và tái tạo phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, nhất là cho vùng sâu, vùng xa, hướng vào phát triển các dạng năng lượng như gió, năng lượng mặt trời, sản xuất nhiên liệu sinh học... Lồng ghép sử dụng năng lượng mới và tái tạo vào chương trình mục tiêu tiết kiệm năng lượng, chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và các chương trình mục tiêu quốc gia khác như chương trình điện khí hóa nông thôn, trồng rừng, xóa đói giảm nghèo, nước sạch, VAC.

2.4. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển nông nghiệp theo hướng hiện đại, bền vững và xây dựng nông thôn mới:

- Chú trọng phát triển nông nghiệp công nghệ cao, ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ sạch. Đẩy mạnh chương trình sản xuất nông nghiệp hữu cơ (sản xuất phân bón từ phế thải sản xuất và rác thải sinh hoạt góp phần cải tạo môi trường và tăng độ phì của đất, sản xuất rau củ quả sạch bằng quy trình kỹ thuật không dùng thuốc trừ sâu và hạn chế phân vô cơ...). Tiếp tục đưa nhanh tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất nông nghiệp, phấn đấu nâng cao trình độ công nghệ và giá trị gia tăng trên một đơn vị diện tích, tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh của nông sản, góp phần xây dựng nền nông nghiệp sản xuất hàng hoá lớn, hiệu quả và bền vững. Quy hoạch, phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của các khu nông nghiệp công nghệ cao với quy mô và mô hình thích hợp với Hà Tĩnh, chuẩn bị những tiền đề quan trọng cho phát triển nền nông nghiệp đô thị sinh thái.

- Nghiên cứu chọn giống cây trồng, giống vật nuôi, nuôi trồng thủy hải sản. Ứng dụng rộng rãi công nghệ sinh học để tạo các giống cây, con mới có năng suất cao, chất lượng tốt, chống chịu với sâu bệnh và có khả năng thích ứng điều kiện biến đổi khí hậu; xác định và phòng chống các loại dịch bệnh nguy hiểm

mới phát sinh, tạo các chế phẩm sinh học phục vụ phát triển nông nghiệp bền vững.

- Cơ giới hoá, tự động hoá trong sản xuất nông nghiệp, thủy sản: Nghiên cứu đổi mới, cải tiến công nghệ theo hướng cơ giới hoá, tự động hoá phù hợp với sản xuất nông ngư nghiệp và công nghiệp chế biến.

- Thủy lợi hoá phục vụ sản xuất nông: Ứng dụng các tiến bộ KH&CN để kiên cố hoá kênh mương, giải quyết thủy lợi cho vùng cát, vùng đất màu, vùng nuôi trồng thủy sản. Nghiên cứu ứng dụng phương pháp tưới tiêu khoa học, đề xuất các giải pháp sản xuất tiết kiệm nước, giải pháp chống hạn, chống nhiễm mặn đất sản xuất nông nghiệp.

- Hỗ trợ xác lập quyền sở hữu trí tuệ và các công cụ quản lý, phát triển thương hiệu, xây dựng phương án phát triển thị trường, đưa sản phẩm ra thị trường, chú trọng đến các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh.

2.5. Nhiệm vụ hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm:

- Điều tra thực trạng công nghệ; đào tạo, tập huấn nâng cao nhận thức, trang bị kiến thức cho các doanh nghiệp về đầu tư đổi mới công nghệ.

- Tập trung hỗ trợ doanh nghiệp khảo sát, tìm kiếm, lựa chọn, nghiên cứu thử nghiệm để thích nghi, làm chủ công nghệ, thiết bị tiên tiến, nhất là các công nghệ nhập từ các quốc gia có nền KH và CN tiên tiến nhằm đổi mới, hiện đại hoá công nghệ; mở rộng áp dụng hệ thống tiêu chuẩn quy chuẩn kỹ thuật, các hệ thống quản lý, mô hình, công cụ cải tiến năng suất và chất lượng trong các ngành công nghiệp, doanh nghiệp có lợi thế (chế biến nông lâm, thủy hải sản, sản xuất rượu bia, khai thác khoáng sản, sản xuất hàng mỹ nghệ...), ngành công nghiệp mới có ý nghĩa chiến lược để phát triển nhanh, tạo sự đột phá gia tăng giá trị sản xuất công nghiệp của tỉnh (cơ khí, chế tạo máy, tự động hoá, công nghiệp lắp ráp, vật liệu xây dựng chất lượng cao, công nghiệp phụ trợ, chế biến sâu khoáng sản, công nghiệp dược, gỗ gia dụng...).

- Triển khai các nghiên cứu ứng dụng công nghệ, thiết bị cơ khí hoá, tự động hoá thích hợp cho một số công đoạn, quá trình sản xuất nông nghiệp nhằm phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả Dự án “Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm hàng hóa của các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020” đã phê duyệt, trong đó tập trung vào các đối tượng doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm, hàng hoá chủ lực của tỉnh.

- Đẩy mạnh áp dụng tiêu chuẩn Việt Nam, xây dựng mạng lưới tổ chức, biện pháp đánh giá sự phù hợp quy chuẩn kỹ thuật; phù hợp tiêu chuẩn quốc gia đối với sản phẩm, hàng hoá chủ lực trong sản xuất công nghiệp, dịch vụ của tỉnh; thúc đẩy phong trào năng suất, chất lượng.

- Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ trong bảo quản chế biến các sản phẩm, đảm bảo từ năm 2020 tất cả các sản phẩm sản xuất ra, đặc biệt là các sản phẩm chủ lực của tỉnh đều được áp dụng các công nghệ bảo quản chế biến theo hình thức đa dạng từ thấp đến cao nhằm nâng cao giá trị và thu nhập cho người sản xuất, thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm, tạo cơ sở để khép kín chuỗi giá trị từ sản xuất – bảo quản – chế biến – tiêu thụ, như: Nghiên cứu, áp dụng công nghệ trong sơ chế, phân

loại, làm sạch, đóng gói có quy mô nhỏ và vừa phục vụ bảo quản, sơ chế tại chỗ của các hộ, nhóm hộ nhằm tạo nguồn nguyên liệu có chất lượng, đảm bảo yêu cầu cho các cơ sở chế biến nông sản tập trung; Chú trọng công nghệ làm khô lúa và hoa màu sau thu hoạch; công nghệ bảo quản lạnh, công nghệ an toàn thực phẩm, công nghệ bảo quản bằng phóng xạ, công nghệ bảo quản bằng sóng siêu âm để bảo quản rau, hoa, quả tươi, các mặt hàng thủy sản, các sản phẩm chăn nuôi,...; áp dụng công nghệ chế biến gạo hoàn toàn tự động hóa, công nghệ chế biến đồ hộp, công nghệ chế biến thủy sản và thịt đông lạnh...; công nghệ tiên tiến chế biến lâm sản,...Chuyên giao một số dây chuyền công nghệ tiên tiến, hiện đại đạt trình độ cao của thế giới nhằm chế biến sâu một số sản phẩm lợi thế của tỉnh như: công nghệ chế biến titan thành các sản phẩm pigment, zircon siêu mịn, rutile; công nghệ chế biến sâu mangan; công nghiệp chế biến sâu các sản phẩm sau hoá dầu như công nghiệp sản xuất polypropylen, sợi tổng hợp, chất dẻo và các sản phẩm khác.

2.6. Nhiệm vụ nâng cao hiệu quả chăm sóc bảo và vệ sức khỏe nhân dân:

- Sử dụng các phương pháp điều tra tiên tiến tiến hành điều tra dịch tễ học một số loại bệnh; khảo sát, đánh giá tình hình dịch bệnh trong cộng đồng; nghiên cứu đề xuất các giải pháp mang tầm chiến lược để nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống bệnh tật, bảo vệ sức khỏe nhân dân.

- Nghiên cứu ứng dụng các kỹ thuật, công nghệ tiên tiến, thiết bị hiện đại nhằm nâng cao năng lực, trình độ kỹ thuật của hệ thống các bệnh viện đa khoa và chuyên khoa đạt tiêu chuẩn cấp vùng, cấp quốc gia.

- Phát triển nghiên cứu về công nghệ bào chế, sản xuất thuốc từ dược liệu, công nghệ sinh học để bảo vệ nguồn quỹ gen dược liệu quý hiếm của địa phương và tạo nguồn giống cây thuốc với năng suất chất lượng cao phục vụ cho công tác sản xuất thuốc. Nghiên cứu bảo tồn, phát triển vùng cung cấp nguyên liệu dược liệu trên địa bàn tỉnh để phát triển Nam dược, sản xuất và bào chế thuốc tại các cơ sở y học cổ truyền...

3. Phát triển tiềm lực KH&CN:

3.1. Nhân lực KH&CN:

- Phát triển nguồn nhân lực KH và CN chất lượng cao, có cơ cấu trình độ, chuyên môn phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; ưu tiên cho những lĩnh vực công nghệ tiên tiến.

- Vận dụng tốt các cơ chế, chính sách của trung ương, nghiên cứu cơ chế, chính sách thu hút, sử dụng, phát triển nguồn nhân lực KH và CN của tỉnh; cơ chế, chính sách thu hút nguồn lực KH và CN từ Trung ương; tạo động lực vật chất và tinh thần, trọng dụng và tôn vinh người có tài trong hoạt động KH và CN.

- Khuyến khích tự đào tạo và đào tạo lại. Có chính sách ưu tiên đào tạo nhân lực KH và CN ở trình độ cao (trên đại học) và ở các lĩnh vực tỉnh còn thiếu. Có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài, nâng cao năng lực hoạt động KH và CN.

- Xây dựng đội ngũ chuyên gia giỏi, cán bộ khoa học-công nghệ đầu đàn.

- Nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và toàn xã hội về vai trò, vị trí của đội ngũ cán bộ KH và CN của tỉnh trong sự nghiệp CNH- HĐH; đổi mới cơ chế quản lý nhằm giải phóng tiềm năng, phát huy tính chủ động, sáng tạo của đội ngũ cán bộ KH và CN.

(*) Nhóm dự án phát triển nguồn nhân lực KH và CN ưu tiên giai đoạn 2013 – 2020 và những năm tiếp theo:

a. Mục tiêu của dự án:

Dự án phát triển nguồn nhân lực KH và CN chiếm vị trí quan trọng đầu tiên và cần được thực thi càng sớm càng tốt để đảm bảo cho hoạt động phát triển kinh tế - xã hội nói chung và hoạt động phát triển KH và CN nói riêng. Dự án này được chia làm 2 giai đoạn.

- Giai đoạn một, từ 2013 - 2020 với mục tiêu đào tạo bổ sung kiến thức cho đội ngũ cán bộ KH và CN hiện có của tỉnh, làm cho họ có khả năng tiếp thu, làm chủ các công nghệ và đào tạo cán bộ KH và CN trình độ cao.

- Giai đoạn hai, từ sau năm 2020, mục tiêu đào tạo cán bộ KH và CN trình độ cao được đặt lên hàng đầu. Đây là động tác chuẩn bị để tạo ra một bước phát triển có tính nhảy vọt của KH và CN tỉnh từ khoảng sau năm 2020.

b. Các dự án ưu tiên

- Dự án: Lập kế hoạch phát triển nguồn nhân lực KH và CN của tỉnh đến năm 2020.

- Dự án: Đào tạo ngắn hạn, bổ sung kiến thức cho cán bộ KH và CN của tất cả các ngành; chú trọng mặt bằng tin học, ngoại ngữ; lao động chuyên môn kỹ thuật ở các ngành.

- Dự án: Đào tạo cán bộ quản lý chuyên nghiệp trình độ cao cho tất cả các ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh.

3.2. Hệ thống hoạt động KH và CN:

Nguồn nhân lực KH và CN chuyên nghiệp trình độ cao đòi hỏi một môi trường làm việc tương ứng - cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ hoạt động KH và CN tốt. Trong thời gian tới cần thực hiện các công việc sau:

- Củng cố, sắp xếp lại và phát triển các tổ chức khoa học và công nghệ công lập của tỉnh theo hướng mỗi ngành, mỗi lĩnh vực có những cơ sở trọng điểm để đủ sức giải quyết những nhiệm vụ khoa học và công nghệ của ngành, lĩnh vực; bảo đảm chức năng nhiệm vụ không chồng chéo và tính mạng lưới, hệ thống để phát huy sức mạnh.

- Xây dựng hệ thống phòng thí nghiệm, phân tích, thử nghiệm, kiểm nghiệm chất lượng trong tỉnh đạt tiêu chuẩn quốc gia, tiến tới đạt tiêu chuẩn quốc tế.

- Xây dựng hệ thống các tổ chức KH và CN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là chuyển giao, ứng dụng KH và CN trong nông nghiệp và nông thôn, các lĩnh vực, ngành mà tỉnh ưu tiên đầu tư phát triển như công nghệ cao, công nghệ mới, hiện đại, đạt tiêu chuẩn về trang thiết bị. với đội ngũ cán bộ có chuyên môn cao.

- Tăng cường hệ thống thông tin, tư liệu KH&CN của tỉnh, cập nhật thông tin và phổ biến rộng rãi thông tin KH và CN đến đội ngũ cán bộ KH và CN và đến đông đảo các tầng lớp nhân dân.

***. Nhóm các dự án đầu tư phát triển cho khoa học và công nghệ ưu tiên giai đoạn 2013 – 2020 và những năm tiếp theo:**

(1) Nhóm các dự án tăng cường tiềm lực các tổ chức KH và CN:

a. Mục tiêu của dự án:

Các dự án đầu tư tăng cường tiềm lực KH và CN nhằm nâng cao năng lực hoạt động KH và CN phù hợp với xu thế phát triển chung của tỉnh trong giai đoạn tới.

b. Các dự án ưu tiên:

* Giai đoạn 2013 – 2020:

- Dự án đầu tư xây dựng Khu liên hợp công nghệ cao (kết hợp khu công nghiệp CNC Hi-tech Park với khu đào tạo nghiên cứu CNC) tại vùng Nam huyện Cẩm Xuyên – Bắc Kỳ Anh.

- Dự án đầu tư nâng cao năng lực của Trung tâm Ứng dụng tiên bộ KH-CN Hà Tĩnh (theo Quyết định số 2021/QĐ-UBND ngày 05/7/2013 của UBND tỉnh Hà Tĩnh).

- Dự án đầu tư nâng cao năng lực Trung tâm Phân Tích Thử nghiệm Hiệu chuẩn đạt chuẩn Quốc gia (theo Quyết định số: 317/QĐ-TTg ngày 15/3/2012 của Chính phủ về việc phê duyệt Đề án nâng cao năng lực của trung tâm ứng dụng tiên bộ khoa học và công nghệ, trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).

- Dự án nâng cấp Trung tâm phát triển nấm ăn và nấm dược liệu Hà Tĩnh (theo Quyết định 1453/QĐ-UBND ngày 22/5/2013 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đề án phát triển sản xuất nấm ăn và nấm dược liệu tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020).

- Dự án đầu tư nâng cao năng lực nghiên cứu ứng dụng KH-CN cho các Trung tâm của các ngành, huyện, thị xã, tỉnh.

- Các dự án xây dựng, phát triển các cơ sở nghiên cứu khoa học và công nghệ trong các đơn vị, các trường đại học, cao đẳng và doanh nghiệp lớn; các dự án nâng cấp các phòng thí nghiệm, kiểm định, kiểm nghiệm, phòng đo lường thử nghiệm chuyên ngành của các cơ quan quản lý nhà nước của tỉnh.

- Dự án hình thành và phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

- Dự án đầu tư xây dựng kiện toàn hệ thống thông tin KH và CN, ưu tiên triển khai dự án đưa thông tin KH và CN về cơ sở phục vụ cho sản xuất và đời sống.

* Giai đoạn sau năm 2020:

Tập trung đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, ứng dụng của các tổ chức KH và CN trên địa bàn tỉnh.

(2) Nhóm các dự án nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị kinh tế lĩnh vực nông - lâm - ngư nghiệp:

a. Mục tiêu của dự án:

Nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị kinh tế lĩnh vực nông - lâm - ngư nghiệp trên cơ sở thu hút công nghệ từ bên ngoài, chuyển giao, lan tỏa trong sản xuất nông nghiệp của tỉnh.

b. Các dự án ưu tiên:

* Giai đoạn 2013 – 2020:

- Dự án nghiên cứu, hỗ trợ xây dựng mô hình nông nghiệp ven đô thị; khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo hướng quy mô, hàng hóa lớn.

- Dự án nâng cao năng lực các Trung tâm nghiên cứu, khảo nghiệm, sản xuất giống cây trồng, vật nuôi.

- Dự án đầu tư xây dựng cơ sở bảo quản, chế biến các sản phẩm nông lâm, thủy sản. Ưu tiên các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh.

- Dự án đầu tư xây dựng trung tâm công nghệ sinh học phục vụ sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp: sản xuất giống cây trồng, chế phẩm sinh học xử lý ao nuôi,...

- Dự án sản xuất tôm giống, nuôi tôm công nghệ cao.

* Giai đoạn sau 2020:

Tập trung đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, ứng dụng của các trung tâm, cơ sở.

4.3. Tài chính cho hoạt động KH và CN:

- Đẩy mạnh đa dạng hoá các nguồn đầu tư ngoài ngân sách nhà nước cho phát triển khoa học và công nghệ. Phân đấu ngân sách giành cho hoạt động KH&CN của tỉnh hàng năm đạt 1,5% ngân sách chi từ năm 2015 và 2% từ năm 2020.

- Nguồn kinh phí từ ngân sách KH và CN của tỉnh tập trung cho những nhiệm vụ xây dựng luận cứ khoa học cho các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế và xã hội chung, chương trình trọng điểm về KH và CN, tăng cường cơ sở vật chất, duy trì và phát triển tiềm lực KH và CN của tỉnh và hỗ trợ một phần cho hoạt động nghiên cứu áp dụng tiến bộ kỹ thuật, đổi mới công nghệ của các doanh nghiệp và khu vực nông nghiệp, nông thôn.

- Vận dụng tốt các cơ chế, chính sách khuyến khích của Nhà nước và địa phương để các doanh nghiệp đầu tư kinh phí nhiều hơn cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và áp dụng tiến bộ kỹ thuật.

- Chủ động mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, chủ yếu thông qua việc xây dựng một số dự án đón đầu để sẵn sàng thu hút các nguồn tài trợ quốc tế.

- Tranh thủ tối đa nguồn ngân sách từ trung ương thông qua các đề tài, dự án cấp nhà nước, dự án nông thôn miền núi, hoạt động hợp tác quốc tế ...

- Phát huy hiệu quả quỹ hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ của tỉnh theo Luật KH và CN.

4. Phát triển dịch vụ khoa học và công nghệ:

4.1. Tiêu chuẩn đo lường chất lượng: Phát triển hệ thống chuẩn đo lường phù hợp với tiêu chuẩn trong nước và tiến tới đạt trình độ quốc tế; nâng cao độ chính xác và mở rộng phạm vi đo của hệ thống chuẩn hiện có. Đầu tư tăng cường năng lực hiệu chuẩn, thử nghiệm sản phẩm hàng hóa cho trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng của tỉnh, đáp ứng yêu cầu hội nhập khu vực và quốc tế.

Hoàn thiện hàng rào kỹ thuật trong thương mại phục vụ xuất khẩu và chống nhập siêu. Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO, trước hết đối với các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm, hàng hóa chủ lực của nền kinh tế. Nghiên cứu xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về chất lượng sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ; hệ thống thông tin cảnh báo trong nước về chất lượng sản

phẩm, hàng hóa và dịch vụ kết nối với hệ thống cảnh báo quốc tế. Xây dựng ngân hàng dữ liệu về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng hỗ trợ cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh và xuất nhập khẩu.

4.2. Sở hữu trí tuệ: Tăng cường xã hội hóa dịch vụ thông tin sáng chế để bảo đảm khả năng tiếp cận, tra cứu, khai thác nguồn thông tin sáng chế phục vụ việc tìm kiếm sáng chế, công nghệ sẵn có để áp dụng trong sản xuất, kinh doanh và định hướng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, trong đó đặc biệt chú trọng đến sáng chế, công nghệ mới.

4.3. Dịch vụ kỹ thuật: Nhân rộng và tăng cường mô hình phổ biến kiến thức khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói, giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới tại tỉnh.

IV. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN:

1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và chính quyền các cấp trong quá trình phát triển KH và CN trên địa bàn tỉnh:

- Ủy ban Nhân dân tỉnh chỉ đạo triển khai chiến lược phát triển KH và CN phù hợp với Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, các ngành và địa phương bằng các Đề án, Dự án, Quyết định, Quy định cụ thể.

- Các ngành, địa phương trong tỉnh xây dựng kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển KH và CN, cụ thể hoá các nội dung phát triển cho ngành, địa phương mình được nêu trong chiến lược, xây dựng các chỉ tiêu của ngành, địa phương, nhằm đảm bảo thực hiện các chỉ tiêu chung.

2. Nâng cao nhận thức về vai trò, vị trí của KH và CN trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa:

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của KH và CN, các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể và các tổ chức chính trị - xã hội nghiên cứu, quán triệt sâu sắc quan điểm của Đảng về phát triển KH và CN nhằm tạo sự chuyển biến căn bản trong nhận thức và hành động; coi KH và CN là động lực phát triển kinh tế-xã hội, là quốc sách hàng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện và đầu tư. Hoạt động KH và CN là của toàn Đảng, toàn dân, của các cấp, các ngành, vì vậy, trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm và giai đoạn của các cấp, các ngành phải có kế hoạch phát triển KH và CN.

- Tăng cường hệ thống thông tin, tư liệu KH và CN của tỉnh, cập nhật thông tin và phổ biến rộng rãi thông tin KH và CN đến đội ngũ cán bộ KH và CN và đông đảo tầng lớp nhân dân với nhiều hình thức đa dạng phong phú; động viên mọi tầng lớp nhân dân, nhất là đội ngũ trí thức tích cực tham gia vào các hoạt động KH và CN, ứng dụng tiến bộ KH và CN vào sản xuất và đời sống.

3. Đổi mới toàn diện hệ thống tổ chức, cơ chế quản lý, hoạt động khoa học và công nghệ; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về KH và CN:

3.1. Về hệ thống quản lý:

Củng cố, kiện toàn, nâng cao hiệu quả quản lý của các huyện, sở ngành theo hướng xác định rõ nội dung, trách nhiệm và thẩm quyền quản lý; quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên trách khoa học và công nghệ; hiện đại hóa, tăng cường cơ sở vật chất phục vụ quản lý.

3.2. Về cơ chế quản lý:

- Tiếp tục đổi mới cơ bản, toàn diện và đồng bộ cơ chế quản lý hoạt động khoa học và công nghệ phù hợp với cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động khoa học và công nghệ theo hướng hội nhập quốc tế, phục vụ phát triển kinh tế xã hội nhanh và bền vững, xây dựng cơ sở để hình thành kinh tế tri thức của tỉnh.

- Xây dựng cơ chế tăng cường sự tham gia, đóng góp của các doanh nghiệp trong việc thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ trực tiếp nhu cầu cụ thể của doanh nghiệp.

- Nghiên cứu, điều chỉnh cơ cấu các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc các lĩnh vực trong việc xác định, thực hiện nhiệm vụ hàng năm và giai đoạn. Chú trọng đến cơ cấu các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực công nghiệp, ứng dụng công nghệ cao, tập trung hỗ trợ các dự án cải tiến thiết bị, hoàn thiện, đổi mới công nghệ, nghiên cứu tạo ra công nghệ có tính tiên tiến để sản xuất ra sản phẩm mới hoặc nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản phẩm.

- Xây dựng các Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm, có mục tiêu, đảm bảo tính liên ngành và tạo đột phá về việc ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất và đời sống. Ưu tiên các nhiệm vụ ứng dụng, tiếp thu đổi mới công nghệ nhằm tạo ra sản phẩm có sức cạnh tranh cao trên thị trường.

3.3. Về cơ chế hoạt động khoa học và công nghệ:

- Đổi mới các cơ chế hoạt động khoa học và công nghệ từ hành chính, bao cấp sang cơ chế thị trường; gắn kết chặt chẽ giữa sản xuất kinh doanh với nghiên cứu, đào tạo; doanh nghiệp đóng vai trò là trung tâm ứng dụng và đổi mới công nghệ.

- Xây dựng các cơ chế nhằm khuyến khích, hỗ trợ chuyên gia công nghệ, hỗ trợ ứng dụng kết quả vào thực tiễn sản xuất và đời sống.

- Có các cơ chế động viên, tôn vinh tài năng trong hoạt động khoa học và công nghệ, khen thưởng kịp thời, xứng đáng những công trình được áp dụng vào thực tiễn mang lại hiệu quả cao.

- Nghiên cứu áp dụng, bổ sung các cơ chế, chính sách khuyến khích các đơn vị hoạt động theo hướng doanh nghiệp khoa học và công nghệ, hoạt động theo Nghị định 115/NĐ-CP về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

***. Nhóm các quy định, cơ chế, chính sách phát triển KH và CN cần ưu tiên xây dựng và ban hành trong giai đoạn tới:**

(1) Quản lý nhà nước về KH và CN:

+ Quy định về hoạt động tư vấn, phản biện và giám định xã hội nghề nghiệp.

+ Quy chế phối hợp liên ngành về hoạt động phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật trên địa.

+ Quy định về quản lý chất lượng hàng hóa sản xuất và lưu thông trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

+ Quy định tuyển chọn tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện các nhiệm vụ KH và CN cấp tỉnh và cơ chế "đặt hàng", "đấu thầu" thực hiện nhiệm vụ KH và CN.

(2) Các chính sách khuyến khích hoạt động KH và CN:

+ Chính sách hỗ trợ các ngành, địa phương, các đơn vị phát triển các mối quan hệ KH và CN với bên ngoài.

+ Quy chế về giải thưởng KH và CN của tỉnh Hà Tĩnh dành cho các tổ chức và cá nhân có thành tích xuất sắc trong phát triển KH và CN của tỉnh.

+ Chính sách hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh.

+ Chính sách hỗ trợ hoạt động chuyển giao công nghệ, nâng cao khả năng cạnh tranh và tạo sản phẩm mới trên địa bàn tỉnh; Chính sách hỗ trợ đầu tư, khuyến khích các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp vừa và nhỏ đổi mới và chuyển giao công nghệ trong các lĩnh vực ưu tiên phát triển.

+ Hoàn thiện chính sách hỗ trợ đổi mới và chuyển giao công nghệ của Quỹ phát triển KH và CN tỉnh.

+ Chính sách thu hút chuyên gia là người Hà Tĩnh ở ngoài tỉnh và các chuyên gia nước ngoài có trình độ cao tham gia hoạt động phục vụ phát triển KH&CN của tỉnh.

+ Chính sách khuyến khích phát triển xã hội hoá các hoạt động dịch vụ thông tin, môi giới, đánh giá, thẩm định và giám định công nghệ; các dịch vụ tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng; phát triển chợ công nghệ và thiết bị, các sản phẩm giao dịch điện tử về khoa học công nghệ.

4. Tăng cường đầu tư cho KH và CN:

Tích cực, chủ động có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ. Tăng cường đào tạo, thu hút cán bộ khoa học và công nghệ có trình độ cao trong các lĩnh vực. Chú trọng đào tạo cán bộ trẻ, cán bộ đầu ngành trong các lĩnh vực công nghệ cao như: công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, công nghệ tự động hoá...

Tổ chức cho cán bộ, sinh viên ưu tú đi đào tạo tại các cơ sở (trong và ngoài nước) có trình độ khoa học và công nghệ tiên tiến, đặc biệt trong lĩnh vực công nghệ cao.

Tiếp tục hoàn chỉnh chính sách thu hút nhân tài, trong đó đặc biệt lưu ý đến tạo môi trường, điều kiện làm việc và chính sách đãi ngộ. Xây dựng chính sách khuyến khích cán bộ khoa học và công nghệ làm việc ở vùng nông thôn.

Thực hiện tốt việc đa dạng hoá các nguồn vốn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ; khuyến khích các doanh nghiệp, các thành phần kinh tế tích cực đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ, đặc biệt là nghiên cứu, ứng dụng, đổi mới thiết bị, công nghệ để sản xuất sạch hơn và tạo ra sản phẩm mới có giá trị kinh tế cao. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các tổ chức khoa học và công nghệ để cán bộ có điều kiện phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật.

5. Phát triển thị trường khoa học và công nghệ:

5.1. Hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới và nâng cao trình độ công nghệ, thúc đẩy, kích cầu thị trường khoa học và công nghệ:

- Xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ đối với các lĩnh vực sản xuất các sản phẩm trọng điểm, sản phẩm chủ lực của tỉnh.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp xây dựng và thực hiện lộ trình đổi mới công nghệ theo nguyên tắc: Lộ trình đổi mới công nghệ là công cụ liên kết giữa sản phẩm, công nghệ và thị trường.

- Tổ chức đào tạo về quản lý công nghệ, quản trị công nghệ và cập nhật công nghệ mới cho các kỹ sư, kỹ thuật viên. Bồi dưỡng, cập nhật kiến thức về đổi mới công nghệ cho cán bộ quản lý doanh nghiệp.

- Hỗ trợ doanh nghiệp khai thác cơ sở dữ liệu thông tin về công nghệ; hỗ trợ tham gia các hội chợ, triển lãm về khoa học và công nghệ, tìm kiếm công nghệ.

- Hỗ trợ, khuyến khích các doanh nghiệp tham gia chương trình đổi mới công nghệ; chương trình nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm trọng điểm, chủ lực; chương trình phát triển tài sản trí tuệ của tỉnh.

5.2. Hỗ trợ phát triển hàng hóa, thương mại hóa sản phẩm khoa học và công nghệ, phát triển tài sản trí tuệ:

- Hỗ trợ, khuyến khích hoạt động nghiên cứu chuyển hóa, làm thích nghi công nghệ hiện đại nhập của nước ngoài để chuyển giao cho các doanh nghiệp trong nước. Hỗ trợ các hoạt động xúc tiến thị trường; tìm kiếm, mua công nghệ nguồn, công nghệ cao trong một số ngành, lĩnh vực ưu tiên, trọng điểm.

- Tạo điều kiện cho các viện nghiên cứu, tổ chức khoa học và công nghệ, trường đại học ở Trung ương và địa phương trình diễn, giới thiệu sản phẩm khoa học và công nghệ, công nghệ mới.

- Tạo lập và phát triển tài sản trí tuệ trong nước và nước ngoài cho các sản phẩm mang tính đặc thù, sản phẩm đặc sản có thế mạnh của Hà Tĩnh nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường trong nước và quốc tế. Khuyến khích, hỗ trợ thương mại hoá các sáng chế và các đối tượng sở hữu công nghiệp.

- Tổ chức lại, nâng cao hiệu quả và đi vào thực chất phong trào lao động sáng tạo, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật ở mọi lĩnh vực, với sự tham gia của mọi đối tượng, đặc biệt là phong trào sáng tạo trong công nhân, nông dân, thanh thiếu niên. Khuyến khích các doanh nghiệp tham gia các giải thưởng về sở hữu trí tuệ, các cuộc thi sáng tạo trên địa bàn tỉnh và cả nước.

5.3. Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến, tư vấn, môi giới chuyển giao công nghệ:

- Triển khai các cơ chế, chính sách, quy định của nhà nước, thể chế hoá các giao dịch trong thị trường khoa học và công nghệ. Tiếp tục triển khai cơ chế, chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp trong việc xúc tiến, đẩy mạnh các chương trình hợp tác, hoạt động đối ngoại hướng tới mở rộng thị trường, hỗ trợ một phần kinh phí để các doanh nghiệp tham gia hội chợ, triển lãm về khoa học và công nghệ trong nước, và quốc tế.

- Tăng cường tổ chức, tham gia các chợ công nghệ thiết bị trong và ngoài tỉnh. Phát triển các hoạt động chợ, hội chợ, xúc tiến mua bán công nghệ, sản phẩm khoa học và công nghệ.

6. Hợp tác KH và CN:

- Xây dựng cơ chế liên kết và chính sách ưu đãi trong sử dụng và thu hút chất xám từ các cơ quan khoa học và công nghệ Trung ương và các tỉnh để phát triển hoạt động khoa học và công nghệ cho Hà Tĩnh.

- Đẩy mạnh hoạt động hợp tác về khoa học và công nghệ với các cơ quan khoa học ở Trung ương và nước ngoài, với các địa phương để tiếp thu các tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Cử cán bộ quản lý, cán bộ khoa học và công nghệ đi đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu, học tập ở nước ngoài; tổ chức cho cán bộ khoa học và công nghệ, chủ doanh nghiệp và các hộ nông dân có trình độ đi tham quan, tìm hiểu công nghệ mới ở trong nước và một số nước trên thế giới để tiếp thu ứng dụng vào tỉnh.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp, các ngành, địa phương căn cứ Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt để xây dựng Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2013 - 2020, định hướng đến năm 2030 và xây dựng kế hoạch hoạt động khoa học và công nghệ 5 năm và hàng năm của đơn vị, phục vụ cho việc thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội.

2. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với sở, ban, ngành có liên quan xây dựng, cụ thể hoá các chương trình, đề án trình UBND tỉnh phê duyệt và giao cho các tổ chức có liên quan thực hiện. Đồng thời theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Đề án tại các sở, ban, ngành, các doanh nghiệp, các tổ chức khoa học và công nghệ và đề xuất việc điều chỉnh sửa đổi trình UBND tỉnh xem xét quyết định cho phù hợp với tình hình thực tế.

3. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Khoa học và Công nghệ xác định tỉ lệ ngân sách hàng năm chi cho khoa học và công nghệ, đảm bảo việc thực hiện Chiến lược.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ huy động các nguồn tài chính để đầu tư cho phát triển khoa học và công nghệ và tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật cho các tổ chức khoa học và công nghệ.

5. Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các sở, ngành liên quan xây dựng các chính sách, chế độ đối với cán bộ khoa học và công nghệ; đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ; xây dựng cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các tổ chức khoa học và công nghệ.

6. Định kỳ hàng năm, các cấp, các ngành, các đơn vị, địa phương thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ tiến hành đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ được giao và báo cáo UBND tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như điều 3;
- Lưu: VT, VX, NL, TH.

